

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần:** Từ vựng học tiếng Việt

(*Vietnamese Lexicology*)

- Mã số học phần: SG 295
- Số tín chỉ học phần: 02
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học.

**2. Đơn vị phụ trách học phần**

- Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn
- Khoa: Khoa Sư phạm

**3. Điều kiện tiên quyết:** SG 294

- Điều kiện song hành: Không

**4. Mục tiêu của học phần**

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu   | CDR CTĐT       |
|----------|---|----------------|
| 4.1      | Trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ Văn những kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu về Từ vựng học: Khái quát về Từ vựng, các đơn vị từ vựng và cấu tạo của từ; Nghĩa của từ; Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa; Các lớp từ vựng tiếng Việt trên các tiêu chí phạm vi sử dụng, nguồn gốc, tần số sử dụng; những ứng dụng của Từ vựng học trong việc giao tiếp, học tập, và giảng dạy tiếng Việt (TV).   | 2.1.3 b        |
| 4.2      | Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân biệt các kiểu cấu tạo từ và nghĩa của các đơn vị tương đương từ (như thành ngữ và quán ngữ); phân tích nghĩa của từ và sự chuyển nghĩa của nó (phương thức ẩn dụ và hoán dụ), so sánh và phân tích các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa, quan hệ ngữ nghĩa của từ và nhận biết các lớp từ vựng phân theo nhiều tiêu chí. Từ đó, học phần có thể giúp sinh viên phát triển năng lực sử dụng chính xác vốn từ vựng tiếng Việt trong văn bản và ngôn bản; vận dụng những kiến thức đã học vào việc giao tiếp, học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn. | 2.2.1.a        |
| 4.3      | Sinh viên phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực để nâng cao kỹ năng thuyết trình, tranh luận, thuyết phục; nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác; phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh; hình thành tư duy phản biện.  | 2.2.2.b        |
| 4.4      | Hình thành cho sinh viên khả năng nhận thức được sự giàu đẹp của tiếng Việt và tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp; chủ động học tập, trau dồi năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung, tiếng   | 2.3.a<br>2.3.b |

| <b>Mục tiêu</b> | <b>Nội dung mục tiêu</b>  | <b>CDR CTĐT</b> |
|-----------------|---|-----------------|
|                 | Việt nói riêng chính xác và sáng tạo; nâng cao lòng yêu quý, trân trọng và góp phần giữ gìn bản sắc của tiếng nói dân tộc. Ngoài ra, học phần giúp người học nâng cao tinh thần hợp tác và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng chuyên môn– nghiệp vụ. |                 |

## 5. Chuẩn đầu ra của học phần

| <b>CDR HP</b> | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>  | <b>Mục tiêu</b> | <b>CDR CTĐT</b> |
|---------------|---|-----------------|-----------------|
|               | <b>Kiến thức</b>  |                 |                 |
| CO1           | Trình bày được những vấn đề khái quát về Từ vựng học (những khái niệm cơ bản, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Từ vựng học, mối quan hệ giữa Từ vựng học với các bộ môn ngôn ngữ học khác)   | 4.1             | 2.1.3.b         |
| CO2           | Trình bày được những vấn đề liên quan đến những kiến thức lý thuyết về các đơn vị từ vựng (quan niệm, đặc điểm và các kiểu cấu tạo của từ) và nghĩa của các đơn vị tương đương từ, như thành ngữ và quán ngữ.   | 4.1             | 2.1.3.b         |
| CO3           | Phân tích được những vấn đề liên quan đến nghĩa của từ và sự chuyển nghĩa của nó (phương thức ẩn dụ và hoán dụ) và các hiện tượng từ vựng ngữ nghĩa của TV.   | 4.1             | 2.1.3.b         |
| CO4           | Phân tích được các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa, quan hệ ngữ nghĩa của từ và phân biệt được các lớp từ vựng phân theo nhiều tiêu chí. Từ đó, người học có thể sử dụng chính xác vốn từ vựng tiếng Việt trong văn bản và ngôn bản.  | 4.1             | 2.1.3.b         |
|               | <b>Kỹ năng</b>  |                 |                 |
| CO5           | Phân tích, xác định các kiểu cấu tạo từ và nghĩa của các đơn vị tương đương từ (như thành ngữ và quán ngữ); phân tích nghĩa của từ và so sánh sự khác nhau giữa hai phương thức ẩn dụ và hoán dụ với các cơ chế cụ thể của nó; phân biệt và phân tích các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa, quan hệ ngữ nghĩa của từ; nhận biết các lớp từ vựng phân theo nhiều tiêu chí. Từ đó, sinh viên có năng lực sử dụng chính xác vốn từ vựng tiếng Việt trong văn bản và ngôn bản; vận dụng những kiến thức đã học vào việc giao tiếp, học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ Văn. | 4.2             | 2.2.1. a        |
| CO6           | Thuyết trình hiệu quả bằng kỹ thuật trình chiếu; nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác; phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh; hình thành tư  | 4.3             | 2.2.2.b         |

| <b>CĐR HP</b> | <b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>   | <b>Mục tiêu</b> | <b>CĐR CTĐT</b> |
|---------------|--|-----------------|-----------------|
|               | duy phản biện và sáng tạo; rèn luyện tư duy khoa học trong học tập, nghiên cứu.  |                 |                 |
|               | <b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>  |                 |                 |
| CO7           | Nhận thức được sự giàu đẹp của tiếng Việt và tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp; chủ động học tập, trau dồi năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng một cách chính xác và sáng tạo; bồi dưỡng lòng yêu quý, trân trọng và góp phần giữ gìn bản sắc của tiếng nói dân tộc. Từ đó, người học nâng cao tinh thần hợp tác và nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng chuyên môn– nghiệp vụ. | 4.4             | 2.3.a<br>2.3.b  |

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Từ vựng học tiếng Việt cung cấp những kiến thức cơ bản về Từ vựng học cho sinh viên. Học phần được thiết kế thành 5 chương. Chương 1 mang tính chất dẫn luận, trình bày những kiến thức nền tảng của Từ vựng học: khái niệm cơ bản, đối tượng, vị trí, phương pháp nghiên cứu của Ngữ âm. Chương 2 trình bày những kiến thức lý thuyết về các đơn vị từ vựng: quan niệm, đặc điểm và các kiểu cấu tạo của từ. Ngoài ra, chương này cũng đi vào nghiên cứu các đơn vị tương đương từ. Chương 3 tập trung làm rõ thành phần ngữ nghĩa và sự chuyển nghĩa của từ ngữ. Chương 4 trang bị kiến thức về các hiện tượng từ vựng-ngữ nghĩa và các loại quan hệ ngữ nghĩa của từ. Cuối cùng, Chương 5 đi vào phân tích các lớp từ vựng phân theo tiêu chí phạm vi sử dụng, nguồn gốc và tần số sử dụng. Qua chương này, người học còn có thể hiểu thêm về tính đa dạng, phong phú của phương ngữ từng vùng trên đất nước.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần

### 7.1. Lý thuyết

|                  | <b>Nội dung</b>   | <b>Số tiết</b> | <b>CĐR HP</b>         |
|------------------|---|----------------|-----------------------|
| <b>Chương 1.</b> | <b>Khái quát về Từ vựng học</b>                               | <b>2</b>       |                       |
| 1.1.             | Khái quát về Từ vựng và Từ vựng học                           | 1              | CO1, CO6,<br>CO7,     |
| 1.2.             | Mối quan hệ giữa Từ vựng học với các bộ môn ngôn ngữ học khác |                |                       |
| 1.3.             | Phương pháp nghiên cứu  | 1              | CO1, CO6,<br>CO7      |
| 1.4.             | Một số khái niệm cơ bản                                       |                |                       |
| <b>Chương 2.</b> | <b>Các đơn vị từ vựng tiếng Việt</b>                          | <b>10</b>      |                       |
| 2.1.             | Từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt                          | 6              | CO2, CO5,<br>CO6, CO7 |
| 2.2.             | Ngữ cố định   | 4              | CO2, CO5,<br>CO6, CO7 |
| <b>Chương 3.</b> | <b>Nghĩa của từ</b>   | <b>6</b>       |                       |
| 3.1.             | Các quan niệm về nghĩa của từ                                 | 2              | CO3, CO5,<br>CO6, CO7 |

|                  | <b>Nội dung</b>  | <b>Số tiết</b> | <b>CDR HP</b>      |
|------------------|--|----------------|--------------------|
| 3.2.             | Sự chuyển nghĩa của từ   | 4              | CO3, CO5, CO6, C07 |
| <b>Chương 4.</b> | <b>Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b>   | <b>8</b>       |                    |
| 4.1.             | Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa (nhiều nghĩa, đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa) | 6              | CO4, CO5, CO6, C07 |
| 4.2.             | Các trường từ vựng tiếng Việt  | 2              | CO4, CO5, CO6, C07 |
| <b>Chương 5.</b> | <b>Các lớp từ vựng tiếng Việt</b>  | <b>4</b>       |                    |
| 5.1.             | Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về phạm vi sử dụng                                | 2              | CO4, CO5, CO6, C07 |
| 5.2.             | Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về nguồn gốc                                      | 1              | CO4, CO5, CO6, C07 |
| 5.3.             | Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về tần số sử dụng                                 | 1              | CO4, CO5, CO6, C07 |

## 7.2. Thực hành : không

## 8. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết giảng,
- Phương pháp hỏi- đáp,
- Phương pháp nêu vấn đề, thảo luận

## 9. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đọc giáo trình, bài giảng, trả lời các câu hỏi hướng dẫn ôn tập trong bài giảng.
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết trên lớp
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học và chuẩn bị bài ở nhà

## 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| <b>TT</b> | <b>Điểm thành phần</b>                             | <b>Quy định</b>                        | <b>Trọng số</b> | <b>Mục tiêu</b>        |
|-----------|--|--|-----------------|------------------------|
| 1         | Điểm chuyên cần                                    | Tham dự 80% số tiết học/tổng số tiết   | 10%             | CO1 đến CO7            |
| 2         | - Điểm kiểm tra giữa kỳ/ Điểm bài tập cá nhân-nhóm | - Kiểm tra viết/ bài tập cá nhân-nhóm. | 30%– 40%        | CO2, CO3, CO5, CO6,CO7 |

| TT | Điểm thành phần            | Quy định  | Trọng số    | Mục tiêu                         |
|----|----------------------------|---|-------------|----------------------------------|
| 3  | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi tự luận (60 phút)<br>- Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết<br>- Bắt buộc dự thi | 50%–<br>60% | CO2,CO3,<br>CO4,CO5,<br>CO6, CO7 |

## 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu học tập

| STT | Thông tin về tài liệu   | Số đăng ký cá biệt   |
|-----|---|--|
| [1] | <i>Giáo trình từ vựng học Tiếng Việt</i> - Giáo trình Cao đẳng Sư phạm, Đỗ Hữu Châu, NXB Đại học Sư phạm, 2006.     | SP.012504; SP.012505<br>MOL.045727; MOL.045728<br>MON.025088 |
| [2] | <i>Rong chơi miền chữ nghĩa (3 tập), An Chi</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.                         | MOL.083331, MOL.083333,<br>MOL.083335.                       |
| [3] | <i>Từ vựng học tiếng Việt</i> , Nguyễn Thiện Giáp, NXB Giáo dục, 2013.  | MOL.072606; MOL.072607;<br>MON.049277                        |
| [4] | <i>Kể chuyện thành ngữ tục ngữ</i> , Hoàng Văn Hành, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2005.                                     | MOL.057558; MOL.057557<br>MON.035440                         |
| [5] | <i>Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005</i> , Lê Quang Thiêm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. | MOL.084322; MOL.084323;<br>MON.061078                        |

## 11. Hướng dẫn sinh viên tự học

| Nội dung   | Lý thuyết (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|--|------------------|--|
| <b>Chương 1: Khái quát về Từ vựng học</b><br>1.1. Khái niệm Từ vựng và Từ vựng học<br>1.2. Mối quan hệ giữa Từ vựng- ngữ nghĩa với các bộ môn NNH khác<br>1.3 Phương pháp nghiên cứu<br>1.4. Một số khái niệm nền tảng<br><b>Bài tập ôn tập Chương 1</b> | 2                | - Chuẩn bị bài : Nghiên cứu Chương 1- tài liệu [3]; Chương 1- tài liệu [1].<br>- Về nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị bài cho tuần sau: đọc tài liệu [5].                              |
| <b>Chương 2: Các đơn vị từ vựng tiếng Việt (TVT)</b><br>2.1. Từ trong hệ thống TVTV<br>2.1.1. Các quan niệm về từ tiếng Việt<br>2.1.2. Đặc điểm chung của từ tiếng Việt<br>2.1.3. Đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt   | 2                | - Chuẩn bị bài: nghiên cứu Chương 2- tài liệu [1], tài liệu [3] về nội dung bài học Các đơn vị từ vựng tiếng Việt<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [2]; nghiên cứu tài liệu [5]. |

| Nội dung  | Lý thuyết (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|---|------------------|--|
| 2.1.4. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt<br>2.1.4.1. Từ đơn<br>2.1.4.2. Từ phức  | 2                | - Chuẩn bị bài: đọc Chương 2- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [3];<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [2]; nghiên cứu tài liệu [5].                                    |
| 2.1.4. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt (tiếp theo)<br>2.1.4.2.1. Từ ghép<br>2.1.4.2.2. Từ láy<br><b>Bài tập ôn tập Chương 2</b>  | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục đọc Chương 2- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [3];<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [2]; nghiên cứu tài liệu [5].                           |
| 2.2. Ngữ cố định<br>2.2.1. Khái niệm<br>2.2.2. Phân loại ngữ cố định<br>2.2.2.1. Quán ngữ<br>2.2.2.2. Thành ngữ   | 2                | Chuẩn bị bài: nghiên cứu tài liệu [2], [3] và [4];<br>- Về nhà: tiếp tục làm bài tập Chương 2- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [5].                                  |
| 2.2.2.2. Thành ngữ (tiếp theo)<br>- Làm bài tập nhóm<br>- Bài tập ôn tập Chương 2   | 2                | Chuẩn bị bài: nghiên cứu tài liệu [2], [3] và [4];<br>- Về nhà: tiếp tục làm bài tập Chương 2- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [5].                                  |
| <b>Chương 3: Nghĩa của từ</b><br>3.1. Các quan niệm về nghĩa của từ<br>3.2. Các thành phần nghĩa của từ<br>3.2.1. Nghĩa biểu vật<br>3.2.2. Nghĩa biểu niệm  | 2                | - Chuẩn bị bài: tài liệu [2]; Chương 3- tài liệu [1]; Chương 7- tài liệu [3].<br>- Về nhà: bài tập Chương 3- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [5].                    |
| 3.2. Các thành phần nghĩa của từ<br>3.2.2. Nghĩa biểu niệm (tiếp theo)<br>3.2.3. Nghĩa biểu thái<br>3.3. Sự chuyển nghĩa của từ<br>3.3.1. Các dạng chuyển nghĩa của từ<br>3.3.2. Phương thức chuyển nghĩa của từ.<br>3.3.2.1. Phương thức ẩn dụ | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu và làm một số bài tập, đọc Chương 3- tài liệu [1].<br>- Về nhà: xem bài tập Chương 3- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [5].       |
| 3.3.2. Phương thức chuyển nghĩa của từ.<br>3.3.2.1. Phương thức hoán dụ<br>- Giải bài tập<br><b>- Bài tập Ôn tập Chương 2, Chương 3</b>   | 2                | - Chuẩn bị bài: Chương 3- tài liệu [1],<br>- Về nhà: Ôn tập Chương 1, Chương 2, Chương 3; giải bài tập Chương 2 và Chương 3 của tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [5]. |
| <b>- Kiểm tra giữa kỳ</b><br><b>Chương 4: Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b><br>4.1. Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa<br>4.1.1. Hiện tượng nhiều nghĩa  | 2                | - Kiểm tra giữa kỳ<br>- Nghiên cứu Chương 5- tài liệu [1].   |
| <b>Chương 4: Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa</b><br>4.1. Các hiện tượng từ vựng- ngữ nghĩa<br>4.1.2. Hiện tượng đồng âm<br>4.1.3. Hiện tượng đồng nghĩa   | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu Chương 5- tài liệu [1], tài liệu [3].<br>- Về nhà: xem bài tập Chương 5- tài liệu [1]; nghiên cứu tài liệu [2], [5].               |
| 4.1.3. Hiện tượng đồng nghĩa (tiếp theo)  | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu Chương 5- tài liệu [1], tài liệu [3].  |

| Nội dung   | Lý thuyết (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|--|------------------|--|
| 4.1.4. Hiện tượng trái nghĩa   |                  | - Về nhà: nghiên cứu tài liệu [2], [5].  |
| 4.2. Các trường từ vựng tiếng Việt<br>4.2.1. Định nghĩa trường từ vựng<br>4.2.2. Phân loại trường từ vựng<br><b>Bài tập ôn tập Chương 4</b>  | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu Chương 5- tài liệu [1], tài liệu [3].<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [2], [5], <b>ài tập ôn tập Chương 4</b>             |
| <b>Chương 5: Các lớp từ vựng tiếng Việt</b><br>5.1. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về mặt phạm vi sử dụng<br>5.1.1. Thuật ngữ<br>5.1.2. Từ nghề nghiệp<br>5.1.3. Biệt ngữ<br>5.1.4 Tiếng lóng<br>5.1.4. Từ địa phương  | 2                | - Chuẩn bị bài: nghiên cứu Chương 6, 7 của tài liệu [1];<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [3]; nghiên cứu tài liệu [5].  |
| 5.1.5. Từ toàn dân<br>5.2. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về nguồn gốc<br>5.2.1. Vấn đề nguồn gốc của tiếng Việt (Từ Thuần Việt và Từ vay mượn)<br>5.3. Các lớp từ vựng tiếng Việt xét về tần số sử dụng<br><b>Bài tập ôn tập Chương 5</b><br><b>Ôn tập thi cuối kỳ.</b> | 2                | - Chuẩn bị bài: tiếp tục nghiên cứu Chương 6, 7 của tài liệu [1];<br>- Về nhà: nghiên cứu tài liệu [3]; nghiên cứu tài liệu [5].<br><br>Tự ôn tập thi cuối kỳ. |

Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2024



**Huỳnh Anh Huy**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**